

Số: 11 /NQ-HĐKĐCLGD

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 5 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Việt Bắc

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng đã họp ngày 22/4/2018 để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Việt Bắc. Hội đồng đã nghiên cứu Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Hội đồng đã nghe đại diện lãnh đạo Nhà trường báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá, đại diện Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài báo cáo tóm tắt quy trình và tổng hợp kết quả đánh giá ngoài. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Việt Bắc với số phiếu tán thành là 8/11/11.

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu của phiên họp, Hội đồng:

QUYẾT NGHỊ

1. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Trường Đại học Việt Bắc đã thực hiện đánh giá chất lượng đúng các quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch; kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Việt Bắc cho thấy, số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 49 tiêu chí (trong tổng số 61 tiêu chí), chiếm 80,33%. Trong đó, tất cả các tiêu chuẩn đều có ít nhất 01 tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (Phụ lục 1)

2. Kết quả đánh giá cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh (Phụ lục 2), tuy nhiên cũng còn những điểm cần phải khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và kết quả thảo luận tạo Phiên họp, Hội đồng kiến nghị với Nhà trường các giải pháp cải tiến chất lượng (Phụ lục 3).

3. Căn cứ theo Điều 27, Thông tư số 62/2012/BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng kiến nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Việt Bắc theo các quy định hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
– ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PGS.TS. Đoàn Quang Vinh**

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ (TĐG) VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI (ĐGN)
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐKĐCLGD ngày 13 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	TĐG	ĐGN		Tiêu chuẩn, tiêu chí	TĐG	ĐGN
Tiêu chuẩn 1:				Tiêu chuẩn 6:		
Tiêu chí 1.1	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 1.2	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.2	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 2:				Tiêu chí 6.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.1	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.2	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.3	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.4	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.5	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.6	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chí 6.9	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 2.7	Đạt	Đạt		Tiêu chuẩn 7:		
Tiêu chuẩn 3:				Tiêu chí 7.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.1	Đạt	Đạt		Tiêu chí 7.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.2	Đạt	Đạt		Tiêu chí 7.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.3	Đạt	Đạt		Tiêu chí 7.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.4	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chí 7.5	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 3.5	Đạt	Đạt		Tiêu chí 7.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.6	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chí 7.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 4:				Tiêu chuẩn 8:		
Tiêu chí 4.1	Đạt	Đạt		Tiêu chí 8.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.2	Đạt	Đạt		Tiêu chí 8.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.3	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chí 8.3	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 4.4	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chuẩn 9:		
Tiêu chí 4.5	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 4.6	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.2	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 4.7	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.3	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 5:				Tiêu chí 9.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.1	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.2	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.3	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.4	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.5	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.9	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.6	Chưa đạt	Chưa đạt		Tiêu chuẩn 10:		
Tiêu chí 5.7	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chí 10.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.8	Đạt	Đạt		Tiêu chí 10.2	Đạt	Đạt
				Tiêu chí 10.3	Đạt	Đạt

**TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC**

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí trong từng tiêu chuẩn	Kết quả đánh giá			
		Đạt		Chưa đạt	
		Số tiêu chí	Tỉ lệ (%)	Số tiêu chí	Tỉ lệ (%)
Tiêu chuẩn 1	2	2	100.00%	0	0.00%
Tiêu chuẩn 2	7	6	85.71%	1	14.29%
Tiêu chuẩn 3	6	4	66.67%	2	33.33%
Tiêu chuẩn 4	7	5	71.43%	2	28.57%
Tiêu chuẩn 5	8	6	75.00%	2	25.00%
Tiêu chuẩn 6	9	8	88.89%	1	11.11%
Tiêu chuẩn 7	7	6	85.71%	1	14.29%
Tiêu chuẩn 8	3	2	66.67%	1	33.33%
Tiêu chuẩn 9	9	7	77.78%	2	22.22%
Tiêu chuẩn 10	3	3	100.00%	0	0.00%
Tổng	58	46	80.33%	12	19.67%

Tổng hợp

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/tổng số	49/61	12/61	0
Tỷ lệ %	80,33%	19,67%	0

PHỤ LỤC 2

CÁC ĐIỂM MẠNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐKĐCLGD ngày 13 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)

1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Năm 2013, Trường Đại học Việt Bắc đã chính thức công bố sứ mạng của Nhà trường. Nội dung sứ mạng của Nhà trường không chỉ thể hiện sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cũng như nguồn lực của một cơ sở giáo dục đại học tư thục, mà còn thể hiện sự gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, cũng như chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 của Chính phủ. Trước khi chính thức công bố nội dung sứ mạng, Nhà trường đã tổ chức cho các bên liên quan trong Trường đóng góp ý kiến. Năm 2015, nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, Nhà trường đã tổ chức rà soát, lấy ý kiến của GV, CBVC, người lao động cho việc bổ sung, điều chỉnh “Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHVNB giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030” đồng thời rà soát lại tính phù hợp của “Sứ mạng” và “Tầm nhìn”. Mục tiêu chiến lược của Trường được xác định xây dựng Trường ĐHVNB thành trường đại học định hướng ứng dụng. Mục tiêu của Nhà trường phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và sứ mạng đã được xác định (công bố năm 2013). Trên cơ sở mục tiêu chung đã được xác định, Nhà trường đã xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Để triển khai thực hiện mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch dài hạn giai đoạn 2013-2016, 2016-2020, các kế hoạch ngắn hạn (theo năm học). Nội dung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể đã được quán triệt, phổ biến đến toàn thể CB, GV, người lao động.

2. Tổ chức và quản lý

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thành lập tương đối gọn nhẹ đáp ứng được yêu cầu công việc, được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức hoạt động theo

Quyết định số 03/2015/QĐ-HĐQT ngày 8/3/2015 và được đăng tải trên website của Trường. Nhà trường đã có khá đầy đủ hệ thống văn bản để tổ chức và quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động như: Hoạt động của Hội đồng quản trị, của Ban Giám hiệu, Hoạt động đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Hợp tác quốc tế, Học sinh sinh viên, Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Tổ chức cán bộ, Tài chính, Hành chính tổng hợp v.v.. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong Nhà trường được phân định rõ ràng và hoạt động có hiệu quả. Nhà trường có cán bộ chuyên trách đảm bảo chất lượng tham gia nhiều khóa tập huấn về đảm bảo chất lượng giáo dục. Phòng TT-KT-ĐBCLGD đã hỗ trợ đắc lực cho Nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác ĐBCL; đặc biệt là công tác tự đánh giá và phối hợp tổ chức ĐGN. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được thành lập đúng quy định và hoạt động hiệu quả luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhà trường có kế hoạch chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt việc báo cáo định kỳ với cơ quan chủ quản là UBND tỉnh Thái Nguyên và Bộ GD&ĐT; việc thực hiện quản lý và lưu trữ đảm bảo an toàn đúng quy định.

3. Chương trình đào tạo

Việc xây dựng và phát triển CTĐT của Nhà trường được thực hiện dựa trên các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Các CTĐT của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT của các trường đại học trong nước và quốc tế có sự tham gia của các nhà khoa học, các GV thuộc lĩnh vực chuyên môn, cán bộ quản lý. Các CTĐT của Nhà trường được điều chỉnh và được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của Bộ GD&ĐT, có sự tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế và ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra cho tất cả các CTĐT của Trường. Nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình và hướng dẫn về điều chỉnh CTĐT, chuẩn đầu ra của các CTĐT. Các CTĐT của Nhà trường đã được định kỳ rà soát, cải tiến nhằm từng bước phù hợp với định hướng thực hành của Nhà trường cũng như đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực tại địa phương và trong cả nước. Nhà trường đã thiết kế, xây dựng CTĐT theo hướng đảm

bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác. Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về đào tạo liên thông như: Quy định đào tạo liên thông, Quy định các học phần cốt lõi CTĐT liên thông; Quy định về xét miễn, giảm, bảo lưu và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập CTĐT hệ chính quy và liên thông.

4. Hoạt động đào tạo

Nhà trường áp dụng các hình thức đào tạo khác nhau, thực hiện liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu của người học. Phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường hoạt động chất lượng và hiệu quả. Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về công tác tổ chức các hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả người học. Nhà trường đã có kế hoạch xây dựng và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi đối với một số học phần cơ bản. Nhà trường đã tổ chức đào tạo tất cả các ngành, các loại hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ khi mới thành lập (2013). Kết quả học tập được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường dưới dạng tệp tin điện tử và dưới dạng văn bản. Việc cấp phát văn bằng chứng chỉ đã được thực hiện đúng quy định hiện hành. Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo được lưu trữ thực hiện thông qua phần mềm quản lý đào tạo cũng như lưu trữ tại các bộ phận liên quan: phòng Đào tạo, kho lưu trữ của Nhà trường và các đơn vị. Dữ liệu liên quan đến các điều kiện ĐBCL về GV và học liệu được công khai hằng năm trên website của Nhà trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá chất lượng giảng dạy của GV thông qua việc lấy ý kiến người học sau kết thúc mỗi học kỳ, đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường, thông qua ý kiến phản hồi của người học, của nhà sử dụng lao động; xây dựng kế hoạch điều chỉnh hoạt động giảng dạy và đào tạo dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Tuy Nhà trường mới thành lập, nhưng HĐQT và BGH Nhà trường chú trọng xây dựng và phát triển được đội ngũ với nguồn nhân lực có trình độ cao. Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng theo đúng quy trình với các tiêu chí và chỉ tiêu tuyển dụng rõ ràng, công khai. Công tác quy

hoạch, bổ nhiệm cán bộ của Nhà trường được Cấp ủy, Hội đồng quản trị, Ban Giám hiệu chỉ đạo triển khai thực hiện rõ ràng, minh bạch, đúng quy trình. Đội ngũ CB, GV, NV của nhà trường hiện nay có năng lực đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đối với công tác quản lý đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của trường. CB, GV, NV luôn được đánh giá có phẩm chất đạo đức tốt, các cán bộ là đảng viên không vi phạm những điều đảng viên không được làm. Nhiều CBQL đạt các danh hiệu thi đua, được nhận Bằng khen của tỉnh Thái Nguyên. Nhà trường đã thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở thông qua nhiều hình thức khác nhau. Các văn bản liên quan đến quy định, quy chế, kế hoạch đều được các tổ chức và đơn vị thảo luận góp ý trước khi ban hành chính thức. Mọi khiếu nại, thắc mắc của CB, GV, NV đã được giải quyết kịp thời và thỏa đáng. Số lượng SV tính chung cho toàn trường so với số lượng GV có tỷ lệ rất thấp so với quy định. Hiện nay tỷ lệ SV/GV chỉ khoảng 4SV/1GV, trong đó số lượng GV có trình độ từ ThS trở lên đạt tỷ lệ gần 100%. Các ngành đào tạo đều có đủ thành phần GV cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành. Cơ cấu chuyên môn của GV phù hợp với nhiệm vụ đào tạo, các ngành đều có GV trình độ TS. GV được bố trí giảng dạy đúng theo chuyên môn được đào tạo và đào tạo lại. Nhà trường có đủ đội ngũ KTV, NV có đủ năng lực phục vụ cho các hoạt động của trường. Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ KTV, NV. Đội ngũ chuyên viên, KTV, NV của Nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhà trường đã có chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho CBQL và GV tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. Nhà trường đồng thời có các chính sách hỗ trợ cán bộ theo học các chương trình thạc sĩ, NCS và có chế độ khen thưởng cho việc công bố các công trình khoa học. Trong giai đoạn từ 2012-2017, Nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho 88 lượt CB, GV tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng.

6. Người học

Người học được cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết về CTĐT, các quy định của học chế tín chỉ của Nhà trường, các quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, cũng như các vấn đề liên quan đến người học trong Luật Giáo dục. Các nội dung

liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện được phổ biến đầy đủ, chi tiết, công khai qua nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã triển khai tốt và có báo cáo cụ thể kết quả công tác khảo sát, phỏng vấn SV vào đầu khóa học. Nhà trường đã ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục cho HSSV được vay vốn hỗ trợ học tập. Nhà trường có đơn vị chuyên trách – Phòng CTHSSV – trực tiếp tham mưu giải quyết chế độ chính sách cho người học – miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến học, vay vốn tín dụng, hỗ trợ cần thiết cho người học. Nhà trường đã thực hiện tốt công tác đảm bảo chế độ chính sách cho người học, giải quyết đúng và đầy đủ các chế độ chính sách xã hội. Nhà trường đã thực hiện tốt công tác khám sức khỏe và BHYT theo quy định y tế học đường thông qua cơ chế phối hợp và ký hợp đồng với các trung tâm y tế, bệnh viện có uy tín của tỉnh. Nhà trường đã sớm ban hành Quy định về việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, xây dựng các hướng dẫn, thông báo cho các đối tượng người học về thủ tục làm hồ sơ xét miễn giảm học phí. Cơ sở vật chất của Nhà trường về cơ bản đáp ứng nhu cầu rèn luyện TDTT cho SV. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV được thực hiện đúng quy chế, có kế hoạch, có báo cáo kết quả xếp loại rèn luyện, làm cơ sở đánh giá xếp loại, cấp học bổng và xét khen thưởng cho sinh viên. Kết quả rèn luyện của SV đạt loại Khá trở lên rất cao, chiếm trên 85%. Nhà trường đã tổ chức tốt công tác Đảng, có kế hoạch và có báo cáo đánh giá định kỳ việc thực hiện công tác Đảng. Đoàn Thanh niên đã có nhiều hoạt động ngoại khóa có ý nghĩa thiết thực với cộng đồng, tạo môi trường thuận lợi cho việc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống của SV. Nhà trường có chú trọng đầu tư vào các cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ hoạt động học tập và sinh hoạt của người học, hệ thống wifi miễn phí trong khu vực giảng đường và KTX, tài khoản email SV, có hệ thống kết nối với TTHL của Đại học Thái Nguyên. Nhà trường đã có kế hoạch và có cơ chế phối hợp trong việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi của cựu SV về CTĐT, tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, cũng như về sự hài lòng của nhà tuyển dụng đối với CTĐT. Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định hướng dẫn cụ thể việc người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV sau khi kết thúc môn

học và quy định SV tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường trước khi tốt nghiệp.

7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động NCKH và CGCN của Nhà trường được nêu rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Việt Bắc giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường, Quy trình thực hiện đề tài KHCN cấp cơ sở. Hằng năm, Nhà trường đã xây dựng, ban hành kế hoạch hoạt động KHCN và triển khai cụ thể đến các đơn vị trong Trường. Nhà trường đã tổ chức tuyển chọn, phê duyệt và ký hợp đồng các đề tài NCKH đúng quy định. Tất cả các đề tài NCKH của Nhà trường đã nghiệm thu đều được đánh giá có ý nghĩa về lý thuyết và thực tiễn. Trong giai đoạn 2012 – 2017, Nhà trường đã nghiệm thu 13 đề tài NCKH cấp cơ sở và 03 đề tài NCKH của Bộ KHCN, 01 đề tài NCKH cấp tỉnh. Nhà trường đã có 02 dự án CGCN được áp dụng trong thực tế sản xuất. Kết quả hoạt động NCKH của CB, GV đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển KHCN của Nhà trường. Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã có 50 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có 11 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế. Nhà trường đã quan tâm dành kinh phí chi cho hoạt động KHCN hằng năm. Trong giai đoạn 2012 – 2017, Nhà trường đã chi 232.500.000đ cho hoạt động KHCN và nguồn thu từ hoạt động KHCN là: 250.000.000đ. Nhà trường đã ban hành quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KHCN và phổ biến, hướng dẫn cho GV các quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KHCN, về quyền sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu. Trong 5 năm qua, CB, GV Nhà trường không vi phạm tiêu chuẩn đạo đức về NCKH hoặc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

8. Hoạt động hợp tác quốc tế

Trong giai đoạn 2012 – 2017, Nhà trường đã đón tiếp 11 đoàn khách với 125 lượt khách quốc tế đến thăm và làm việc, đã cử 05 đoàn với tổng số 07 lượt cán bộ giảng viên đi công tác và học tập, nghiên cứu tại nước ngoài. CBQL, GV được cử đi nước ngoài đều về nước đúng hạn, không vi phạm pháp luật, các quy định, quy

chế đối với cán bộ đi nước ngoài. Nhà trường không có trường hợp nào vi phạm trong hoạt động HTQT trong giai đoạn đánh giá. Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động HTQT của Trường ĐH Việt Bắc. Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã ký kết hợp tác hợp đồng đào tạo, hợp đồng nguyên tắc với các đối tác nước ngoài: Entrepreneurial Incubation & Career Center Southern University College Malaysia, Calsouthern University; ký kết hợp tác toàn diện với Southern University College Malaysia và Thỏa thuận hợp tác với Trung tâm Giao lưu Văn hóa Việt Hàn. Nhà trường đã tích cực mời các đoàn ngoại giao của các quốc gia: Ba Lan, Hàn Quốc, Lào, Campuchia; các cơ sở giáo dục của các quốc gia: Malaysia, Mỹ, Hàn Quốc đến thăm, làm việc và trao đổi hợp tác trong đào tạo, NCKH. Nhằm triển khai thỏa thuận hợp tác với Trung tâm giao lưu Văn hóa Việt Hàn, Nhà trường đã bổ nhiệm TS. Sim Sang Joon - Giám đốc trung tâm làm Phó Hiệu trưởng danh dự của Trường vào tháng 8 năm 2017. Trong đội ngũ GV của Nhà trường có 02 TS và 01 ThS Ngôn ngữ Hàn là người Hàn Quốc; 06 GV tiếng Anh là người nước ngoài thuộc các quốc gia: Ấn Độ, Phi-líp-pin, Nê-pan, Bờ Biển Ngà. Nhà trường cấp học bổng và đào tạo 24 SV của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tại Trường.

9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Đại học Việt Bắc với diện tích 36 ha, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trong đó có phát triển cơ sở vật chất và đã triển khai đầu tư xây dựng giai đoạn 1. Hiện nay Nhà trường có 09 giảng đường, 02 xưởng thực hành, 01 phòng máy tính, 02 phòng học tiếng, 01 phòng thí nghiệm vật lý đáp ứng cơ bản yêu cầu tổ chức đào tạo cho 9 ngành đào tạo. Các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành và thư viện được thiết kế theo các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Diện tích bình quân trên đầu sinh viên là $16,41m^2/SV$. Nhà trường cũng đã hợp tác với trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, trường Đại học CNTT và Truyền thông ĐH Thái Nguyên và trường Cao đẳng nghề số 1 Bộ Quốc Phòng để gửi sinh viên đến thực hành tại các xưởng. Thư

viện Trường có diện tích sử dụng 300m^2 , có 30 máy tính, 1.500 đầu sách với 4.150 bản. Trường cũng đã có hợp đồng hợp tác với Trung tâm Học liệu thuộc Đại học Thái Nguyên cung cấp phần mềm ElibLRC quản lý thư viện và khai thác tài nguyên học liệu nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên, cán bộ, giảng viên. Tất cả phòng học, giảng đường đều có đủ trang thiết bị dạy học cơ bản, các phòng ban chức năng được trang bị đầy đủ máy tính, thiết bị văn phòng và một số phần mềm tin học như Edusoft, phần mềm kế toán để thực hiện các công tác chuyên môn. Mạng nội bộ và mạng Internet được kết nối với tất cả máy tính của trường. Tất cả CB, GV, SV được cung cấp địa chỉ email mang tên miền của trường để phục vụ cho công tác trao đổi thông tin và được sử dụng wifi miễn phí. Ký túc xá 300 chỗ ở của Trường được xây dựng hiện đại, đủ tiện nghi. Nhà ăn tập thể có diện tích 78m^2 đảm bảo tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của Bộ Y tế. Diện tích phục vụ các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao chiếm 5.000m^2 , gồm: 01 sân đất bóng đá, 01 sân bóng chuyên, 02 sân cầu lông và các sân chơi khác. Phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu có diện tích sàn xây dựng là 2.491m^2 . Có phòng làm việc dành cho Ban Giám hiệu, phòng, khoa, trung tâm, phòng họp chung, phòng làm việc cho các tổ chức đoàn thể. Các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết. Nhà trường cũng quan tâm đúng mức đến công tác an ninh, PCCC; và, đã thành lập đội PCCC cơ sở. Nhà trường đã ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ với Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Đức Minh. Đội ngũ bảo vệ chuyên trách gồm 9 người trực 24/24 giờ trong ngày. Nhà trường đã lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại khu nhà điều hành, giảng đường và ký túc xá. Trường cũng đã có quan hệ với chính quyền và công an địa phương trong công tác đảm bảo an ninh trật tự. Trong 5 năm qua chưa xảy ra sự cố gì làm mất an ninh trật tự và an toàn trường học. Nhà trường đã đền bù giải phóng mặt bằng đạt 35 ha, và được cấp quyền sử dụng đất 14,22 ha. Trường đã có Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 26/06/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng mặt bằng ĐHV B, và hiện nay Trường đã có công văn số

21/ĐHVB-TH ngày 16/05/2017 gửi UBND đề nghị phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết.

10. Tài chính và quản lý tài chính

Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển tài chính trong kế hoạch chiến lược của Trường giai đoạn 2013-2020 và trong Kế hoạch trung hạn 2016-2020; Hàng năm Nhà trường ban hành quy định mức thu về tài chính theo các quy định của Nhà nước; Nhà trường có giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính; tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động của Trường. Các báo cáo kiểm toán độc lập và báo cáo của Ban kiểm soát cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về vi phạm về việc thu chi tài chính. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong Nhà trường được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các cơ quan quản lý đảm bảo minh bạch và theo quy định của Nhà nước. Hàng năm dựa trên kế hoạch hoạt động của các đơn vị để xây dựng kế hoạch tài chính đáp ứng trên khả năng của đơn vị có tính đến những nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Quy trình lập dự toán tuân thủ đúng quy định của Nhà trường và quy định của Nhà nước. Các định mức trong kế hoạch được lập phù hợp với các chế độ, quy định, định mức tài chính do Bộ Tài chính ban hành, Luật đấu thầu và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Phòng Kế toán gửi biểu mẫu thống nhất hướng dẫn quy trình để các đơn vị trong toàn Trường lập kế hoạch tài chính. Công tác thanh quyết toán (gồm lương, bảo hiểm, thù lao, chế độ chính sách...) đối với CB, GV, NV và các chế độ miễn giảm học phí đối với người học, trong 5 năm qua, không có thắc mắc, khiếu nại về thu chi. Nhà trường đã xây dựng quy định về Quy chế tài chính trong đó có các nguyên tắc phân bổ tài chính. Công tác phân bổ kinh phí của Nhà trường được thực hiện minh bạch, hợp lý, tuân thủ các nguyên tắc đã được xây dựng và đạt hiệu quả sử dụng hợp lý nguồn tài chính. Nhà trường chấp hành đầy đủ việc thanh quyết toán, lập báo cáo tài chính gửi HĐQT và Ban Kiểm soát. Kế hoạch tài chính hàng năm luôn chú trọng đến việc phân bổ các khoản chi tiêu tài chính hợp lý nhằm mang lại hiệu quả sử dụng nguồn thu - chi tài chính. Công tác quản lý tài chính chặt chẽ góp phần tiết kiệm được khoản chi tiêu thường xuyên, tập trung nguồn tài chính cho công tác đầu tư. Nhà trường thực hiện đầy đủ và

đúng quy định các nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế và các khoản phải nộp khác. Phân bổ tài chính về các khoản chi của Nhà trường được thực hiện theo đúng dự toán đã được phê duyệt và được đơn vị kiểm toán độc lập và Ban Kiểm soát đánh giá Nhà trường không vi phạm chế độ kế toán tài chính, đảm bảo chi đúng mục đích cho các hoạt động của Nhà trường.

PHỤ LỤC 3

CÁC KHUYẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐKĐCLGD ngày 13 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐHN)

1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Nhà trường cần có kế hoạch định kỳ tổ chức rà soát, điều chỉnh nội dung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược để phù hợp và đáp ứng với thực tế phát triển của đơn vị, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, khu vực, cả nước và xu thế hội nhập. Cùng với kế hoạch rà soát, điều chỉnh Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan ngoài trường; các ý kiến khảo sát cần được tổng hợp, đánh giá làm nguồn tham khảo quan trọng trong việc điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu cũng như các giải pháp, chỉ tiêu thực hiện. Bên cạnh xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển, Nhà trường cần quan tâm xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, đặc biệt quan tâm xây dựng các kế hoạch chiến lược theo từng lĩnh vực đã được xác định trong Kế hoạch chiến lược phát triển với những giải pháp và chỉ số, chỉ tiêu cụ thể nhằm thực hiện hiệu quả sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của đơn vị. Nhà trường có kế hoạch cụ thể hóa điều 4 “Tiêu chuẩn cơ sở GDĐH định hướng ứng dụng” (Nghị định số 73/2015/NĐ-CP của Chính phủ) vào chiến lược phát triển của đơn vị để từ đó xác định những giải pháp gắn với các chỉ tiêu, chỉ báo cụ thể nhằm huy động các nguồn lực, triển khai có hiệu quả mục tiêu và định hướng chiến lược đã được đề ra, xây dựng Trường Đại học Việt Bắc thành trường đại học định hướng ứng dụng. Nhà trường cần quan tâm hơn nữa công tác xây dựng đội ngũ GV, CBVC, người lao động đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, trình độ, từng bước trẻ hóa đội ngũ giảng viên, có lộ trình tăng cường CSVC, trang thiết bị đảm bảo điều kiện cho các hoạt động đào tạo, NCKH nhằm hoàn thành sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Trường. Để giúp mọi thành viên của các đơn vị trực thuộc quán triệt và hiểu rõ mục tiêu chiến lược của Trường và thực hiện có hiệu quả trong công tác, Nhà trường cần xây dựng các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn gắn liền với các chỉ số, chỉ báo, chỉ tiêu cụ thể bên cạnh hệ thống giải pháp khả thi để đạt được mục tiêu chiến lược

trong từng giai đoạn và định kỳ được tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm.

2. Tổ chức và quản lý

Nhà trường cần xem xét sự tồn tại của Đại hội cổ đông cho phù hợp với Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, cần phân công cán bộ phụ trách mảng pháp chế theo quy định. Nhà trường cần xây dựng hệ thống văn bản quản lý của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức đoàn thể khác trên cơ sở hướng dẫn của các cơ quan quản lý cấp trên. Nhà trường cần rà soát và bổ sung các chỉ số, chỉ báo cũng như xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược trên cơ sở đóng góp của toàn bộ cán bộ công nhân viên, thông qua quyết nghị của Hội đồng quản trị để ban hành và thực hiện, phát huy vai trò của Ban kiểm soát trong việc giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường. Nhà trường cần triệt để áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và lưu trữ hệ thống văn bản, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn thư lưu trữ.

3. Chương trình đào tạo

Nhà trường nên ban hành phiên bản mới sau mỗi lần tổ chức rà soát bổ sung CTĐT. Nhà trường cần xây dựng ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn đầu ra của các môn học trong CTĐT. Trong đề cương chi tiết của các học phần trong tất cả các CTĐT của trường cần bổ sung chuẩn đầu ra môn học và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần và phải được các cấp có thẩm quyền ký duyệt. Việc thực hiện điều chỉnh CTĐT của Nhà trường phải được thực hiện một cách hệ thống, đồng đều và đồng loạt tất cả các CTĐT. Cần xây dựng kế hoạch cho quy trình tự đánh giá và đánh giá các CTĐT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GDĐT.

4. Hoạt động đào tạo

Nhà trường cần tiếp tục đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của khu vực cũng như của xã hội nói chung. Trong các đề cương chi tiết học phần của tất cả các chương trình đào tạo của Trường cần nêu rõ phương pháp kiểm tra đánh giá, cách thức đánh giá. Nhà trường cần tổ chức khảo sát lấy ý kiến người học đánh giá về phương pháp, quy trình thực hiện kiểm tra đánh giá, mức

độ nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập. Nhà trường cần tiếp tục xây dựng ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần trong chương trình đào tạo. Cần tăng cường hơn nữa hình thức thi trực tuyến (thi trên máy) để tiết kiệm thời gian và đảm bảo tính khách quan, chính xác trong kiểm tra, đánh giá. Nhà trường cần đa dạng hóa các hình thức khảo sát tình hình sinh viên tốt nghiệp, bên cạnh việc sử dụng hình thức phiếu khảo sát trực tiếp nên tăng cường hình thức online. Trong các Báo cáo tổng hợp về phản hồi ý kiến của người học và nhà sử dụng lao động, Nhà trường nên thực hiện riêng cho từng ngành đào tạo của Trường. Mặt khác, các báo cáo cần phải được phân tích kỹ càng từ đó đưa ra các nhận định chính xác, cụ thể nhằm làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch khắc phục sau này.

5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Nhà trường cần tăng cường chính sách hỗ trợ nhằm thu hút nguồn GV trẻ, ưu tiên tuyển GV tuổi dưới 50 có trình độ TS và thâm niên 10-25 năm về công tác tại trường; có chế độ khuyến khích vật chất thỏa đáng các CB, GV có các công bố khoa học, đặc biệt là công bố quốc tế. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về công tác cán bộ, chú trọng dần tăng tỷ lệ GV độ tuổi 35 đến 50 lên mức hợp lý; xây dựng triển khai kế hoạch cụ thể để trẻ hóa CBQL và giảm bớt vị trí kiêm nhiệm của đội ngũ CBQL. Nhà trường cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích động viên CB, GV, NV tham gia đóng góp ý kiến, thực hiện quy chế dân chủ từ cấp đơn vị đến cấp trường; thùng thư góp ý cần mở ít nhất 1 tháng/1 lần. Nhà trường cần tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích và thực hiện nghiêm quy định đối với GV phải đạt chuẩn ngoại ngữ, tin học sau 1 hoặc 2 năm. Nhà trường cần định kỳ hằng năm tổ chức các khóa bồi dưỡng tiếng Anh và CNTT cho GV, khuyến khích GV sử dụng tiếng Anh và ứng dụng CNTT trong giảng dạy. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch dài hạn về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tuyển mới để NV bớt kiêm nhiệm cho đội ngũ KTV, NV; thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng đổi phương pháp giảng dạy cho GV; bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ KTV, NV.

6. Người học

Nhà trường cần cụ thể hóa nhiệm vụ của các khoa chuyên môn trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Tuần sinh hoạt công dân-HSSV. Các thông tin về CTĐT, chuẩn đầu ra, phương pháp học tập, hình thức và trọng số của các cấu phần đánh giá cần được cập nhật và bổ sung trong Sổ tay SV hàng năm. Nhà trường cần huy động nhiều hơn nữa các nguồn tài trợ hỗ trợ học tập dưới hình thức học bổng hay giải thưởng trao trực tiếp từ địa chỉ các nhà tài trợ, các cơ quan, doanh nghiệp cho SV theo chuyên ngành đào tạo. Nhà trường cần có các biện pháp cụ thể, chẳng hạn xây dựng Quỹ Khuyến học, kết nối với các doanh nghiệp nhằm tạo các cam kết tài trợ từ các doanh nghiệp cho hoạt động khuyến học của Nhà trường. Nhà trường cần tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ phong trào, đa dạng hóa các loại hình hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động thiện nguyện, nhằm tăng hứng thú và tích cực tham gia của SV. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về hiệu quả trong thay đổi nhận thức, hành vi, thái độ của SV khi được tham gia vào các công tác thiện nguyện, phục vụ cộng đồng, qua đó đề xuất những biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác rèn luyện chính trị, đạo đức cho SV. Nhà trường cần thành lập Hội SV nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Đoàn/Hội trong việc đôn đốc, khuyến khích HSSV tự giác, nhiệt tình tham gia các hoạt động giáo dục, hoạt động phong trào của Nhà trường. Nhà trường cần có kế hoạch và biện pháp bồi dưỡng các quần chúng tốt trong SV, tạo điều kiện cho nhiều SV được kết nạp vào hàng ngũ của Đảng.

Nhà trường cần tăng thời lượng thực hành trong CTĐT, đảm bảo CSVC phù hợp với việc tích hợp giữa lý thuyết và thực hành. Nhà trường cần xây dựng thêm các phòng thực hành, thí nghiệm tại cơ sở đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc học tập và rèn luyện, phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Nhà trường cần sớm xây dựng *TT Hỗ trợ SV và Quan hệ Doanh nghiệp*, thúc đẩy việc kết nối giữa SV và doanh nghiệp, đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, trao đổi, mời doanh nghiệp đến tham gia giảng dạy, chia sẻ, truyền lửa về ý chí, khát vọng làm việc, tinh thần kinh doanh, ý thức trách nhiệm với cộng đồng. Nhà trường cần kiện

toàn cơ chế phối hợp giữa Nhà trường, Khoa chuyên môn và doanh nghiệp trong việc gửi SV đến tham quan học thuật, thực tập nhận thức và thực tập tốt nghiệp, có kế hoạch tổ chức thường xuyên các hoạt động giao lưu với doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho SV tiếp cận nhiều hơn với thực tế doanh nghiệp, được chia sẻ, tìm hiểu thông tin về nhu cầu lao động để SV có những bước chuẩn bị tốt, tăng khả năng thích ứng của người học khi ra trường.

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch và chương trình hành động *Sinh viên với việc làm*, phát huy vai trò của Phòng Công tác HSSV và Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ Doanh nghiệp (trong tương lai), phối hợp với các sở ngành địa phương, Tỉnh đoàn, Trung ương Hội trong việc tổ chức các lớp tập huấn về tinh thần kinh doanh, khởi nghiệp, ý thức trách nhiệm với cộng đồng. Nhà trường cần lồng ghép việc phát triển kỹ năng mềm trong CTĐT, trong việc tổ chức giảng dạy các học phần; tăng cường các hoạt động hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm qua các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động CLB, tăng cường tương tác với doanh nghiệp thông qua việc xây dựng quy chế phối hợp trong đào tạo, thực tập nghề nghiệp, định hướng việc làm cho SV sắp tốt nghiệp. Nhà trường cần có kế hoạch triển khai tốt hơn nữa công tác hỗ trợ SV và cơ hội việc làm, thông qua việc tổ chức các diễn đàn giao lưu, trao đổi với doanh nghiệp, tọa đàm giữa cựu người học, doanh nghiệp và SV sắp tốt nghiệp, về môi trường làm việc, các năng lực và kỹ năng mong đợi của doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng đối với SV sắp ra trường. Nhà trường cần sớm thành lập Hội cựu SV, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về cựu SV gắn với tình hình việc làm để tiện cho việc khảo sát, lấy ý kiến, cũng như tranh thủ sự hỗ trợ của cựu người học trong công tác đào tạo của Nhà trường và hỗ trợ việc học tập và rèn luyện của SV. Nhà trường cần thực hiện khoa học hơn việc phân tích, đánh giá, tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV từng ngành, từ đó rút ra những khuyến nghị và có kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT nhằm nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm của SV khi ra trường, đặc biệt phát triển kỹ năng mềm, năng lực ngoại ngữ và khả năng giao tiếp của SV. Nhà trường cần hoàn thiện mẫu khảo sát với các câu hỏi thiết kế phù hợp hơn thể hiện mối tương quan với các chuẩn đầu ra, vị trí việc làm trong đặc tả CTĐT.

Kết quả khảo sát cần được phân tích, tổng hợp một cách khoa học và chuyên nghiệp hơn nhằm thể hiện rõ nét hơn về tình hình giảng dạy của GV, chất lượng đào tạo của nhà trường, từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến liên tục chất lượng giảng dạy của GV và chất lượng đào tạo của Nhà trường. Nhà trường cần phổ biến rộng rãi kế hoạch thực hiện việc khảo sát, quy trình xử lý dữ liệu sau khảo sát, đảm bảo dữ liệu từ khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV vừa góp phần nâng cao và cải tiến chất lượng đào tạo, vừa đảm bảo tính bảo mật, chuyên nghiệp và gìn giữ đạo đức nghề nghiệp cho GV.

7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN hằng năm, Nhà trường cần bám sát các mục tiêu về hoạt động KHCN trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Việt Bắc giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 để từ đó xác định chính xác các chỉ tiêu cần phấn đấu cũng như các biện pháp cần thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu về hoạt động KHCN đã xác định. Nhà trường cần thường xuyên rà soát, điều chỉnh Quy định về quản lý hoạt động KHCN cho phù hợp với điều kiện thực tế. Nhà trường cần sớm thực hiện đầy đủ kinh phí chi cho hoạt động KHCN theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong các cơ sở giáo dục đại học; tăng kinh phí chi cho mỗi đề tài NCKH cấp cơ sở (tối thiểu là 10.000.000đ) và xét duyệt kinh phí của các đề tài NCKH cấp cơ sở tùy theo quy mô của đề tài. Nhà trường cần quy định về giao nhiệm vụ cho GV (đặc biệt là có học vị Tiến sĩ trở lên) về số lượng bài báo phải công bố hằng năm, các yêu cầu/định hướng về tạp chí cần đăng bài. Nhà trường cần thực hiện Tập san khoa học nhằm tạo điều kiện để CB, GV đặc biệt là GV trẻ đăng tải các bài báo khoa học. Nhà trường cần áp dụng chính sách khen thưởng các bài báo đăng trên các Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI, Scopus,... Nhà trường cần sớm ban hành và áp dụng chính sách khuyến khích, hỗ trợ CB, GV trong việc tìm kiếm các đề tài NCKH với các đối tác bên ngoài. Nhà trường cần ban hành quy định và thành lập các nhóm nghiên cứu - giảng dạy nhằm tìm kiếm, hợp tác với các đối tác bên ngoài để phối hợp triển khai NCKH, đồng thời chú trọng CGCN. Nhà trường cần chủ động, tăng

cường cơ chế phối hợp, gắn kết hoạt động NCKH giữa nhà trường với các trường đại học khác, đặc biệt là với các doanh nghiệp. Nhà trường cần thành lập bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, đồng thời động viên, khuyến khích, hỗ trợ tích cực CB, GV thực hiện các thủ tục, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

8. Hoạt động hợp tác quốc tế

Nhà trường cần sớm ban hành văn bản quy định quản lý lưu học sinh Lào đang học tập tại Trường; bổ sung nội dung quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động HTQT của Trường. Nhà trường cần áp dụng chính sách khuyến khích, khen thưởng những cá nhân, đơn vị tích cực và hiệu quả trong việc tìm kiếm, thực hiện các dự án HTQT đem lại nguồn thu, tăng cường CSVC và trang thiết bị cho Trường; động viên, khuyến khích CB, GV thực hiện các công bố chung với các đối tác nước ngoài. Nhà trường cần thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho GV; tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm với các trường có thành tích tốt về HTQT nhằm nâng cao năng lực và kinh nghiệm trong hoạt động HTQT. Nhà trường cần bố trí nhân sự chuyên trách thực hiện hoạt động HTQT của Trường.

9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Có kế hoạch tăng cường số lượng đầu sách cũng như số lượng bản sách, tài liệu tham khảo để đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo như đã được thiết kế. Về lâu dài Nhà trường cần chủ động xây cơ sở học liệu của mình, xây dựng thư viện điện tử, kết nối với thư viện của các cơ sở giáo dục khác chủ động phục vụ dạy học và NCKH. Có kế hoạch triển khai đầu tư và xây dựng thêm các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thực tập. Lập kế hoạch và từng bước thực hiện đầu tư trang thiết bị thí nghiệm, đo lường phục vụ cho công tác đào tạo đặc biệt cho các ngành công nghệ, kỹ thuật và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Nhà trường cần nâng cấp phần mềm Edusoft để sử dụng lâu dài, tích hợp đủ chức năng hoặc xây dựng các phần mềm khác để quản lý cơ sở dữ liệu mọi lĩnh vực, đặc biệt là hoạt động đào tạo và NCKH. Có kế hoạch xây dựng thêm Hội trường, nhà đa chức năng phục vụ luyện tập thể dục thể thao trong nhà và phục vụ cho các hoạt

động văn hóa, văn nghệ của sinh viên và giảng viên. Nhà trường cần tăng cường trang bị các phòng làm việc dành riêng cho các Bộ môn, trang bị thêm phương tiện làm việc cho các Giáo sư, Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp; xây hoàn chỉnh tường rào bảo vệ. Nhà trường cần đẩy mạnh tiến độ công tác giải phóng mặt bằng, hoàn thành thủ tục cấp quyền sử dụng đất và phê duyệt quy hoạch chi tiết để xây dựng các hạng mục công trình đã có trong quy hoạch và Kế hoạch phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

10. Tài chính và quản lý tài chính

Xây dựng kế hoạch phát triển các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ để tăng thêm nguồn thu từ hoạt động này. Sử dụng tối đa nguồn lực của Nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo để tăng số lượng và chất lượng sinh viên, từ đó tăng thêm nguồn thu từ học phí. Cập nhật các thông tin về dự toán, quyết toán từng năm trên website. Nhà trường cần phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt hơn yêu cầu của cán bộ giảng viên và người học.